

Số: 1097/QĐ-PHDHLN-ĐT

Đồng Nai, ngày 2 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận điểm học phần
Giáo dục quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất Khóa 66

GIÁM ĐỐC
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ quyết định số 1357/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 01 tháng 07 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh;

Căn cứ kết quả xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của Hội đồng khoa học cơ bản;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, sau khi thống nhất ý kiến của Hội đồng công nhận điểm học phần cấp Phân hiệu.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận điểm các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất cho các sinh viên khóa 66 bao gồm các lớp K66A3_LT_KT_CQ; K66A4_LT_KT_BH_CQ; K66A6_LT_TY_CQ.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 được công nhận điểm toàn bộ hoặc một phần kết quả môn học (GDQP&AN); (GDTC). Đối với sinh viên được miễn một phần kết quả trong môn học thì phải học bổ sung các nội dung khác để hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Điều 3. Trưởng các khoa chuyên môn và sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: 
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Hải Châu

**DANH SÁCH ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
ĐƯỢC XÉT MIỄN KHÓA 66 - LTCQ ĐỢT THÁNG 09/2021**

(Kèm theo Quyết định số: 1097 /QĐ-PHDHLN-ĐT ngày 2 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Mã học phần											Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng HP1	Giáo dục Quốc phòng HP2	Giáo dục Quốc phòng HP3	Giáo dục Quốc phòng HP4
Số tín chỉ											1	1	1	3	2	2	4
1. LỚP K66A3 LT KT CQ																	
Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Ngày TN	Bậc TN	Số Năm	CCDGTG	CCQPAN	BĐXN,	CAXN	Điểm học phần							
1	21B340301681	Khẩu Hoàng Anh	18/07/1998	Sau 13/9/2012	TC	3				M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
2	21B340301680	Nguyễn Tuấn Anh	12/08/1988	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD		Co	Co	Co	M	M	M	M	M	M	M	
3	21B340301717	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/10/1988	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M		M	M	M	Học bổ sung	
4	21B340301682	Nguyễn Duy Bảo	12/04/1978	Trước 24/12/2007	TC	2				M	M		Học bổ sung	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
5	21B340301683	Phạm Văn Cương	03/04/1986	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2				M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
6	21B340301714	Nguyễn Thị Diễm	16/10/1992	Sau 13/9/2012	CD					M	M		M	M	M	M	
7	21B340301684	Bùi Đức Định	05/09/1995	Sau 13/9/2012	TC	2			Co	M	M		M			M	
8	21B340301716	Nguyễn Minh Đoàn	06/12/1992	Sau 13/9/2012	CD					M	M		M	M	M	M	
9	21B340301685	Trần Mạnh Hà	28/01/1976		ĐH					M	M	M	M	M	M	M	
10	21B340301687	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1993	Sau 13/9/2012	CD		Co			M	M	M	M	M	M	M	
11	21B340301686	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	20/07/1990	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M		M	M	M	Học bổ sung	
12	21B340301715	Bùi Thị Hằng	17/12/1995	Sau 13/9/2012	TC	2				M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
13	21B340301701	Nguyễn Thị Hằng	23/05/1989	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	ĐH					M	M	M	M	M	M	M	
14	21B340301709	Nguyễn Bạch Tuyết Hoa	10/09/1990	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD		Co			M	M	M	M	M	M	Học bổ sung	
15	21B340301689	Nguyễn Thị Kim Huy	01/01/1989	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M		M	M	M	Học bổ sung	
16	21B340301712	Lê Thị Diệu Huyền	20/04/1997		ĐH					M	M	M	M	M	M	M	
17	21B340301688	Hoàng Đức Hường	20/06/1988	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2				M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
18	21B340301690	Nguyễn Thụy Thoại Lam	07/05/1997		ĐH					M	M	M	M	M	M	M	
19	21B340301704	Lý Thị Mai	13/12/1992	Sau 13/9/2012	CD					M	M		M	M	M	M	

Mã học phần								Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng HP1	Giáo dục Quốc phòng HP2	Giáo dục Quốc phòng HP3	Giáo dục Quốc phòng HP4
Số tín chỉ								1	1	1	3	2	2	4
20	21B340301710	Nguyễn Trà	My	04/11/1999	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
21	21B340301691	Phạm Bích Mỹ	Ngân	06/12/1994	Sau 13/9/2012	CD		Co			M	M	M	M
22	21B340301705	Phan Thị Minh	Nguyệt	26/06/1984	Truoc 24/12/2007	TC	2				M	M	M	M
23	21B340301703	Đặng Thị	Nhung	01/02/1985	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
24	21B340301708	Võ Thị Hồng	Phúc	20/09/1981	Truoc 24/12/2007	TC	2				M	M	M	M
25	21B340301692	Nguyễn Hồng	Phượng	02/06/1987	Sau 13/9/2012	ĐH					M	M	M	M
26	21B340301693	Lầu Lý	Sáng	27/02/1982	Truoc 24/12/2007	TC	3				M	M	M	M
27	21B340301713	Phan Thị Thùy	Sâm	19/06/1990	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M	M	M
28	21B340301694	Trương Khắc	Sửu	02/02/1985		ĐH					M	M	M	M
29	21B340301695	Bùi Văn	Sỹ	15/08/2000	Sau 13/9/2012	TC	3				M	M	M	M
30	21B340301696	Võ Đại	Thành	04/12/1992	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
31	21B340301697	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	05/12/1979	Truoc 24/12/2007	TC	2				M	M	M	M
32	21B340301698	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	02/06/1991	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M	M	M
33	21B340301707	Nguyễn Thị	Trà	23/09/1992							M	M	M	M
34	21B340301699	Trần Lê	Trình	01/02/1991	Sau 13/9/2012	CD		Co			M	M	M	M
35	21B340301700	Nguyễn Thị Bích	Vân	02/03/1980	Truoc 24/12/2007	TC	2				M	M	M	M
36	21B340301702	Trần Thị Hồng	Vân	25/12/1989		CD	2				M	M	M	M
37	21B340301711	Lê Thanh	Vũ	18/07/1990	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD					M	M	M	M
2. LỚP K66A4_LT_KT_BH_CQ														
39	21B340301019	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/07/1997	Sau 13/9/2012	CD		Co	Co		M	M	M	M
40	21B340301014	Ngô Thị	Bé	10/10/1998	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
41	21B340301003	Nguyễn Thị	Bình	20/09/1971		ĐH					M	M	M	M
42	21B340301012	Nguyễn Đình	Chi	19/01/1997	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
43	21B340301017	Cao Thị Hồng	Duyên	26/10/1992	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M
44	21B340301010	Nguyễn Tuấn	Đạt	12/04/1998	Sau 13/9/2012	CD		Co			M	M	M	M
45	21B340301016	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/01/2002	Sau 13/9/2012	TC	2				M	M	M	M
46	21B340301025	Nguyễn Chi Diệu	Huyền	15/08/2000	Sau 13/9/2012	CD		Co			M	M	M	M

Mã học phần										Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng HP1	Giáo dục Quốc phòng HP2	Giáo dục Quốc phòng HP3	Giáo dục Quốc phòng HP4
										1	1	1	3	2	2	4
Số tín chỉ										1	1	1	3	2	2	4
73	21B850103003	Phạm Thị Ny	Na	20/10/1988	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
74	21B850103013	Nguyễn Thị	Năm	25/03/1989		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
75	21B850103008	Nguyễn Trí	Nhân	29/11/1984		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
76	21B850103044	Đỗ Văn	Phong	21/01/1985		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
77	17B850103020	Nguyễn Văn	Phương	20/04/1989						M	M	M	M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
78	21B850103005	Trần Văn	Quang	10/02/1989	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
79	21B850103041	Nguyễn Bá	Quân	30/10/1987		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
80	17B850103014	Trần Thanh	Quý	05/04/1992						M	M	M	M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
81	21B850103011	Đoàn Thanh	Sơn	29/07/1994	Sau 13/9/2012	CD		Co		M	M	M	M	M	M	M
82	21B850103001	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	24/01/1984		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
83	21B850103043	Võ Đức	Thịnh	22/12/1988		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
84	21B850103004	Huỳnh Anh	Tú	08/01/1988		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
85	21B850103040	Chu Minh	Tuấn	05/07/1994		ĐH				M	M	M	M	M	M	M
86	21B850103009	Đoàn Anh	Tuấn	21/06/1993	Sau 13/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
87		Phan Thị Hồng	Hạnh	08/02/1989	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	CD		Co		M	M	M	M	M	M	Học bổ sung
4 LỚP K66A6_LT_TY_CQ																
88	21B640101632	Nguyễn Chi	Báo	07/07/2000	Sau 13/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
89	21B640101634	Mai Văn	Bảng	22/07/1994	Sau 13/9/2012	CD				M	M		M	M	M	M
90	21B640101635	Lê Thanh	Dũng	19/11/1984	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
91	21B640101627	Nguyễn Văn	Dũng	17/07/1996	Sau 13/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
92	21B640101639	Đoàn Thị Kim	Hạnh	31/10/1992	Sau 13/9/2012	CD		Co	Co	M	M	M	M	M	M	M
93	21B640101637	Đặng Văn	Hợp	20/01/1984	Trước 24/12/2007	TC	2			M	M		Học bổ sung	Học bổ sung	Học bổ sung	M
94	21B640101630	Mai Xuân	Linh	25/01/2003	Sau 13/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
95	21B640101640	Lê Đức	Phương	11/06/1994		TC				M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
96	21B640101629	Hồ Ngọc	Tâm	01/05/1992	Từ 25/12/2007 đến 12/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
97	21B640101633	Sơn Thái	Tấn	27/04/2000	Sau 13/9/2012	TC	2			M	M		M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
98	21B640101638	Trần Thị	Thanh	20/12/1995	Sau 13/9/2012	CD				M	M		M	M	M	M

Mã học phần								Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Quốc phòng HP1	Giáo dục Quốc phòng HP2	Giáo dục Quốc phòng HP3	Giáo dục Quốc phòng HP4	
Số tín chỉ								1	1	1	3	2	2	4	
99	21B640101631	Trần Trung	Tin	20/09/1990	Sau 13/9/2012	TC	2				M	Học bổ sung	Học bổ sung	M	
100	21B640101628	Nguyễn Minh	Trung	07/07/1983	Truoc 24/12/2007	TC	2				M	M	Học bổ sung	Học bổ sung	M
101		Vòng Trần Mỹ	Hạnh	35723	Sau 13/9/2012	CD					M	M	M	M	

Danh sách này có 101 sinh viên./

